

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHỔ YÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2021/HS-ST

Ngày 23 - 6 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Cấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hồng Hải

2. Bà Nguyễn Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Lê Phương Thuỳ - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 91/2021/TLST-HS ngày 28 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Hà Văn L, Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1996, tại: Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; Nơi cư trú: Xóm G, xã HT, thị xã PY, tỉnh TN; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hà Văn L, sinh năm 1970; Con bà: Đỗ Thị H, sinh năm 1974; có vợ là: Lưu Thị Hương Y, sinh năm 1996 và có 01 con, sinh năm 2018; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện đang tại ngoại và được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” tại: Xã HT, thị xã PY, tỉnh TN (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: Nguyễn Văn B, Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1994, tại: Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; Nơi cư trú: Xóm H, xã PT, thị xã PY, tỉnh TN; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Sán đìu; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn N, sinh năm 1967; Con bà: Phó Thị H, sinh năm 1966; có vợ là: Ngô Thị Bích N, sinh năm 1995; vợ chồng chưa có con chung; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện đang tại ngoại và được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” tại: Xã PT, thị xã PY, tỉnh TN (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

3. Họ và tên: Đào Duy V, Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1996, tại: Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; Nơi cư trú: Xóm ĐP, xã MY, huyện ĐT, tỉnh TN; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đào Duy C (đã chết); Con bà: Hoàng Thị T, sinh năm 1970; có vợ là: Nguyễn Thị T, sinh năm 1997 và có 01 con, sinh năm 2017; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện đang tại ngoại và được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” tại: Xã MY, huyện ĐT, tỉnh TN (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

4. Họ và tên: Diệp Văn T, Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1993, tại: Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên; Nơi cư trú: Xóm BS, xã NH, huyện ĐH, tỉnh TN; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Sán đìu; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Diệp Văn C, sinh năm 1964; Con bà: Trần Thị M, sinh năm 1962; có vợ là: Phan Thị Y, sinh năm 1993 và có 01 con, sinh năm 2018; Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện đang tại ngoại và được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” tại: Xã NH, huyện ĐH, tỉnh TN (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo Diệp Văn T:* Bà Nguyễn Thị D – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn B:* Luật sư Hoàng Thị B -Cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên (có mặt)

- *Người chứng kiến:*

1. Ông Hà Văn B, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm G, xã HT, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

2. Ông Hà Duy K, sinh năm 1961 (có mặt)

Địa chỉ: Xóm G, xã HT, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nhận được tin báo của quần chúng nhân dân, Hồi 15 giờ 00 phút, ngày 16/01/2021, Tổ công tác Công an thị xã PY phối hợp với Công an xã HT tiến hành kiểm tra và phát hiện tại bếp của nhà Hà Văn L, sinh năm 1996, trú tại: Xóm G, xã HT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên có các đối tượng gồm: Hà Văn L, Nguyễn Văn B, Đào Duy V và Diệp Văn T đang đánh bạc dưới hình thức đánh “Liêng” được thua bằng tiền; Vật chứng thu giữ gồm: Thu trên chiếu bạc 01 (một) bộ bài lơ khơ 52 (năm mươi hai) quân, 01 (một) chiếu cói kích thước (1,9x1,56) mét và Tiền Việt Nam: 3.190.000đ (ba triệu một trăm chín mươi nghìn đồng); Thu trên người của Diệp Văn T số tiền 3.035.000đ (ba triệu không trăm ba mươi lăm nghìn đồng); thu trên

người của Nguyễn Văn B số tiền 1.500.000đ (một triệu, năm trăm nghìn đồng). Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản sự việc, niêm phong vật chứng và đưa các đối tượng nêu trên về Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Phô Yên giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan điều tra, các đối tượng Hà Văn L, Nguyễn Văn B, Đào Duy V, Diệp Văn T khai nhận: Khoảng 14 giờ ngày 16/01/2021, sau khi đi ăn tất niên về, L, B, V và T cùng rủ nhau về nhà ở của L tại xóm G, xã HT, thị xã PY, tỉnh TN để đánh bạc dưới hình thức đánh “Liêng” được thua bằng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam. Trên đường về T đi mua 01 bộ bà tú lơ khơ 52 quân để cùng nhau đánh bạc. Khi về đến nhà L, các đối tượng cùng nhau đi xuống bếp, L lấy 01 chiếu cói ra giải rồi cùng Nguyễn Văn B, Đào Duy V, Diệp Văn T đánh bạc. Hình thức đánh “Liêng” được các đối tượng tham gia đánh bạc quy ước như sau: Bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài (từ A đến K) được trộn đều các quân bài và chia cho mỗi người chơi 03 (ba) quân bài. Sau khi chia bài, mỗi người tự xem bài và tính điểm trên bài của mình. Nếu ba quân bài cùng số thì gọi là “sáp”, ba quân bài liền số nhau liên tiếp (không cần đồng chất) thì gọi là “liêng”, ba quân bài đầu người gọi là “ảnh”. Khi xét bài thì xét lần lượt từ “sáp”, sau đó đến “liêng” rồi đến “ảnh”. Nếu bài không có “sáp”, “liêng”, “ảnh” thì sẽ tính điểm, ai được điểm cao nhất (9 điểm) thì sẽ thắng (quy ước điểm $9=19=29$). Mỗi một ván bạc mỗi đối tượng góp 10.000đ (mười nghìn đồng) vào giữa chiếu bạc gọi là “gà”, mỗi ván bạc một người có thể hô “tố” từ 01 đến 03 lần, nếu ai không theo thì sẽ hạ bài và mất số tiền đã vào “gà”, ai theo thì sẽ vào “gà” tiếp 10.000 đồng, sau đó sẽ lật bài, bài của ai cao nhất sẽ được hết tiền “gà” và người đó tiếp tục chia ván mới.

Quá trình tham gia đánh bạc: Hà Văn L có số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) và sử dụng hết vào việc đánh bạc, đến khi bị bắt quả tang L bị thua và bị thu giữ số tiền còn lại trên chiếu bạc là 470.000đ (bốn trăm bảy mươi nghìn đồng); Nguyễn Văn B mang theo số tiền 2.500.000đ (hai triệu, năm trăm nghìn đồng) và bỏ ra số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) để đánh bạc, đến khi bị bắt quả tang B bị thua và bị thu giữ số tiền còn lại trên chiếu bạc là 810.000đ (tám trăm, mười nghìn đồng) và bị thu giữ trên người số tiền 1.500.000đ (B khai không sử dụng số tiền 1.500.000đ thu giữ trên người vào việc đánh bạc); Đào Duy V mang theo số tiền 900.000đ (chín trăm nghìn đồng) và sử dụng hết vào việc đánh bạc, đến khi bị bắt quả tang V bị thua và bị thu số tiền trên chiếu bạc là 610.000đ (sáu trăm, mười nghìn đồng); Diệp Văn T mang theo số tiền 3.535.000đ (Ba triệu, năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng), T bỏ ra 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) để đánh bạc, đến khi bị bắt quả tang T thắng và bị thu số tiền trên chiếu bạc là 1.300.000đ (một triệu, ba trăm nghìn đồng), số tiền 3.035.000đ (ba triệu không trăm ba mươi năm nghìn đồng) thu giữ trên người, T khai sẽ sử dụng hết số tiền này để đánh bạc nếu thua hết số tiền ban đầu đã bỏ ra để đánh bạc. Tổng số tiền Hà Văn L, Nguyễn Văn B, Đào Duy V và Diệp Văn T sử dụng vào việc đánh bạc bằng hình thức đánh “Liêng” là: 3.190.000 đồng thu trên

chiếu bạc + 3.035.000 đồng tạm giữ trên người Diệp Văn T = 6.225.000đ (sáu triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Nguồn gốc số tiền trên là tiền lương, do các bị cáo lao động mà có, các đối tượng đánh bạc đến 15 giờ 00 phút cùng ngày thì bị Tổ công tác của Công an thị xã PY phát hiện, lập biên bản thu giữ các vật chứng như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 97/CT-VKSPY, ngày 27/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố các bị cáo: Hà Văn L, Nguyễn Văn B, Đào Duy V và Diệp Văn T về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, sau khi kết thúc phần thẩm vấn công khai, Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên thực hành quyền công tố tại phiên tòa trình bày bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng số 97/CT-VKSPY, ngày 27/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hà Văn L, Diệp Văn T, Nguyễn Văn B và Đào Duy V phạm tội “Đánh bạc”

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự; Xử phạt: Bị cáo Hà Văn L mức án từ 06 đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Phạt bổ sung bị cáo một khoản tiền từ 10.000.000đ đến 12.000.000đ nộp ngân sách nhà nước.

2.2. Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự; Xử phạt: Bị cáo Đào Duy V mức án từ 06 đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Phạt bổ sung bị cáo một khoản tiền từ 10.000.000đ đến 12.000.000đ nộp ngân sách nhà nước.

2.3. Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự; Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn B mức án từ 06 đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

2.4. Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự; Xử phạt: Bị cáo Diệp Văn T mức án từ từ 06 đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài và 01 chiếc chiếu cói đã qua sử dụng.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền do các bị cáo đánh bạc là 6.225.000đ (Sáu triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn B số tiền 1.500.000đ (Một triệu lăm trăm

ngàn đồng) do xác định Nguyễn Văn B không sử dụng vào việc đánh bạc.

Ngoài ra còn đề nghị buộc các bị cáo Hà Văn L, Đào Duy V phải nộp án phí hình sự sơ thẩm, Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn B, Diệp Văn T và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Các bị cáo Hà Văn L, Diệp Văn T, Nguyễn Văn B và Đào Duy V đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, thừa nhận việc truy tố, xét xử các bị cáo với tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Trong phần tranh luận: Các bị cáo Hà Văn L, Diệp Văn T, Nguyễn Văn B không tranh luận gì với quan điểm đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát; Bị cáo Đào Duy V nhất trí với quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo, nhưng đề nghị HĐXX xem xét miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo, vì bị cáo cũng sống ở vùng có điều kiện kinh tế khó khăn. Nói lời sau cùng, các bị cáo đều đề nghị HĐXX xem xét cho được hưởng mức án thấp nhất, được tự cải tạo, giáo dục dưới sự giám sát của chính quyền địa phương, để thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Người bào chữa cho bị cáo Diệp Văn T, Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn B trình bày lời bào chữa đều nhất trí với quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc xác định tội danh, điều luật áp dụng và mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với các bị cáo. Tuy nhiên các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, nên đề nghị HĐXX xem xét, xử phạt bị cáo ở mức án thấp nhất theo mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Đôi đáp với quan điểm của người bào chữa và quan điểm tranh luận của bị cáo Đào Duy V, Kiểm sát viên xác định: Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn B và Người bào chữa cho bị cáo Diệp Văn T đều nhất trí với quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát và không tranh luận gì, nên đại diện viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm và không đối đáp gì với người bào chữa. Đối với quan điểm tranh luận của bị cáo Đào Duy V, Kiểm sát viên xác định: Yêu cầu của bị cáo Đào Duy V về việc đề nghị được miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo là không có căn cứ, vì bị cáo Vương không phải là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế khó khăn và là đối tượng trợ giúp pháp lý, bị cáo phạm tội nhằm mục đích thu lợi bất chính, nên Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm và đề nghị HĐXX không chấp nhận việc xin miễn hình phạt bổ sung của bị cáo Vương.

Người chứng kiến, ông Hà Văn B và ông Hà Duy K trình bày: Khoảng 15 giờ 00 phút, ngày 16/01/2021, ông Hà Văn B và ông Hà Duy K được Tổ công tác Công an thị xã PY mời chứng kiến việc kiểm tra và bắt giữ các đối tượng tham gia đánh bạc, dưới hình thức đánh “Liêng” tại nhà ở của Hà Văn L, sinh năm 1996, trú tại: Xóm G, xã HT, thị xã PY, tỉnh TN. Quá trình kiểm tra, Tổ công tác đã thu giữ trên chiếu bạc số tiền 3.190.000đ, 01 bộ bài lơ khơ 52 quân, 01 chiếu cỏi đã qua sử dụng; Thu trên người của Diệp Văn T số tiền 3.035.000đ (T khai sẽ sử dụng hết số tiền

này vào việc đánh bạc nếu bị thua hết số tiền đã bỏ ra), thu trên người của Nguyễn Văn B số tiền 1.500.000đ (B khai không sử dụng số tiền này vào việc đánh bạc). Sau đó Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản sự việc, niêm phong vật chứng nêu trên và đưa các đối tượng nêu trên về Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã PY giải quyết theo thẩm quyền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Phổ Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, Kiểm sát viên trong điều tra, truy tố: Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra Công an thị xã Phổ Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo Hà Văn L, Diệp Văn T, Nguyễn Văn B và Đào Duy V tại phiên tòa hôm nay là khách quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra và lời khai của những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ 14 giờ đến 15 giờ ngày 16/01/2021 tại nhà ở của Hà Văn L, sinh năm 1996, địa chỉ: Xóm G, xã HT, thị xã PY, tỉnh TN, các bị cáo Hà Văn L, Nguyễn Văn B, Đào Duy V và Diệp Văn T đã có hành vi đánh bạc trái phép, dưới hình thức đánh “Liêng” được thua bằng tiền thì bị tổ công tác của công an thị xã PY phối hợp với Công an xã HT phát hiện bắt quả tang. Tổng số tiền các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc là 6.225.000đ (Sáu triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh “Liêng” được thua bằng tiền, với số tiền đánh bạc 6.225.000đ do các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý công cộng của Nhà nước, gây mất trật tự trị an tại địa phương và đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng số 97/CT-VKSPY, ngày 27/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên đã truy tố đối với các bị cáo về tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ.

Điều 321 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy

định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3]. Xét tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nguyên nhân, động cơ dẫn đến việc phạm tội và vai trò đồng phạm của các bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội, HĐXX thấy:

Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc loại tội ít nghiêm trọng, nhưng đã xâm phạm đến trật tự quản lý công cộng của Nhà nước, gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự, nhằm mục đích răn đe, giáo dục phòng ngừa chung. Nguyên nhân, động cơ dẫn đến việc phạm tội chủ yếu do các bị cáo ham vui, hám lời, sau khi đi ăn tất niên về thì cùng rủ nhau đến nhà Hà Văn L đánh bạc, sát phạt nhau bằng tiền, nhằm mục đích thu lời bất chính. Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không có sự phân công, cấu kết một cách chặt chẽ. Khi thực hiện hành vi phạm tội vai trò đồng phạm của các bị cáo cơ bản là tương đương nhau; Tuy nhiên, bị cáo Hà Văn L là người trực tiếp chuẩn bị công cụ, phương tiện dùng cho việc phạm tội (chuẩn bị chiếu cói để các bị cáo ngồi đánh bạc), chứa chấp cho hoạt động đánh bạc được diễn ra; Bị cáo Diệp Văn T là người chuẩn bị công cụ, phương tiện cho việc phạm tội (chuẩn bị bài tú lơ khơ để các bị cáo đánh bạc) đồng thời sử dụng số tiền lớn hơn các bị cáo để đánh bạc. Do vậy vai trò của Hà Văn L và Diệp Văn T là tích cực hơn so với các bị cáo khác. Các bị cáo Nguyễn Văn B và Đào Duy V đều cùng tham gia đánh bạc với các bị cáo khác và không phải là người khởi xướng, chuẩn bị công cụ, phương tiện cho việc phạm tội, nên có vai trò bị cáo B và V trong vụ án là ngang nhau và thấp hơn so với bị cáo L, bị cáo T.

[4]. Xét các yếu tố về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thấy rằng:

- Về nhân thân: Các bị cáo về cơ bản đều xuất thân từ gia đình nông nghiệp, từ nhỏ được gia đình nuôi ăn học, lớn xây dựng gia đình và đi làm công nhân. Quá trình sinh sống và lao động tại địa phương các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự và là những người có nhân thân tốt.

- Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo thì thấy: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng— Do đó các bị cáo đều được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là: *“Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”* và *“Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”* quy định tại các điểm s, i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[5]. Xét tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các yếu tố về nhân thân, HĐXX thấy rằng: Các

bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã nhận thức rõ được sai phạm và có ý thức sửa chữa lỗi lầm; Các bị cáo đều được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; các bị cáo đều là người có nhân thân tốt và có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Do vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, mà cho các bị cáo được hưởng lượng khoan hồng, cải tạo giáo dục dưới sự giám sát của chính quyền địa phương vẫn đảm bảo được tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời răn đe, giáo dục phòng ngừa chung. Mức án mà đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp, tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần cân nhắc đến vai trò đồng phạm của từng bị cáo để đưa ra mức hình phạt cho phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự, thì: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.*” Xét thấy các bị cáo phạm tội với mục đích nhằm thu lời bất chính, nên cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo một khoản tiền nộp ngân sách nhà nước. Tuy nhiên đối với bị cáo Diệp Văn T và Nguyễn Văn B là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn và là đối tượng thuộc diện trợ giúp pháp lý, nên HĐXX miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Tuyến và bị cáo Biên. Yêu cầu đề nghị của bị cáo Đào Duy V về việc đề nghị HĐXX miễn hình phạt bổ sung là không có căn cứ, nên không chấp nhận.

[6]. Về vật chứng của vụ án:

- 01 phong bì niêm phong ký hiệu A, bên trong có 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài; 01 chiếc chiếu cói, đã qua sử dụng – xác định là công cụ dùng cho việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần xử lý tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền 6.225.000 đồng thu giữ của các bị cáo khi bắt quả tang xác định là công cụ, phương tiện dùng cho việc phạm tội, nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Số tiền 1.500.000đ tạm giữ trên người bị cáo Nguyễn Văn B xác định không liên quan đến việc phạm tội, nên trả lại cho bị cáo Biên quản lý, sử dụng.

[8]. Về chi phí tố tụng: Các bị cáo Hà Văn L và Đào Duy V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Các bị cáo Diệp Văn T và Nguyễn Văn B là dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn và là đối tượng thuộc diện trợ giúp pháp lý, nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Tuyến và bị cáo Biên.

[9]. Quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự (đối với bị cáo Hà Văn L và Đào Duy V).

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự (đối với bị cáo Diệp Văn T và Nguyễn Văn B).

2. Về tội danh và quyết định hình phạt:

2.1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hà Văn L, Diệp Văn T, Đào Duy V và Nguyễn Văn B phạm tội “Đánh bạc”.

2.2. Về hình phạt:

- Xử phạt: Bị cáo Hà Văn L 07 (bảy) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Hà Văn L cho chính quyền địa phương là UBND xã HT, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ (mười triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

- Xử phạt: Bị cáo Đào Duy V 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương là UBND xã MY, huyện ĐT, tỉnh TN giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ (mười triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

- Xử phạt: Bị cáo Diệp Văn T 07 (bảy) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Diệp Văn T cho chính quyền địa phương là UBND xã NH, huyện ĐH, tỉnh TN giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn B 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Văn B cho chính quyền địa phương là UBND xã PT, thị xã PY, tỉnh TN giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách: Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng Điều 123 của Bộ luật tố tụng hình sự: Áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo trong thời hạn 45 ngày để đảm bảo công tác thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 6.225.000 đồng (Sáu triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn B số tiền 1.500.000đ (một triệu, năm trăm nghìn đồng).

- Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong ký hiệu A, bên trong có 01 bộ bài tứ lơ khơ gồm 52 quân bài; 01 chiếc chiếu cói, kích thước (1,9m x 1,56m), đã qua sử dụng.

(Tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thị xã Phổ Yên với Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên, ngày 26/5/2021 và Phiếu ủy nhiệm chi số 120, ngày 24/5/2021 do Công an thị xã Phổ Yên chuyển tiền vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên).

4. Án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 12, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Hà Văn L, Đào Duy V mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Diệp Văn T và Nguyễn Văn B.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên
- Công an thị xã Phổ Yên;
- Chi cục THADS thị xã Phổ Yên;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- UBND các xã nơi các bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Cần